

Số: 76/QĐ-UB-NCVX

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 01 năm 1995

**QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND THÀNH PHỐ**  
Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch  
nghĩa vụ lao động công ích hàng năm - năm 1995.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21/6/1994 ;
- Căn cứ Pháp lệnh nghĩa vụ lao động công ích ngày 10/11/1988 của Hội đồng Nhà nước và Nghị định số 56/HĐBT ngày 30/5/1989 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh nghĩa vụ lao động công ích ;
- Căn cứ Hướng dẫn số 989/UB-TH ngày 5/3/1990 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện nghĩa vụ lao động công ích ở thành phố Hồ Chí Minh ;
- Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội ;

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.-** Nay giao chỉ tiêu kế hoạch huy động và phân phối sử dụng quỹ nghĩa vụ lao động công ích năm 1995 của thành phố theo 2 biểu đính kèm.

**Điều 2.-** Ấn định thống nhất mức đóng tiền thay công trực tiếp năm 1995 cho tất cả công dân có nghĩa vụ tham gia lao động công ích tại thành phố là : **1.000 đồng/ngày công.**

**Điều 3.-** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở, ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận huyện chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này.-

**T/M ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**K/T Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Lê Thị Vân**

**KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG VÀ PHÂN PHỐI  
QUỸ NGHĨA VỤ LAO ĐỘNG CÔNG ÍCH NĂM 1995**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 76/QĐ-UB-NCVX  
ngày 11/01/1995 của Ủy ban nhân dân thành phố)

\*\*\*\*\*

Đơn vị tính : ngày công.

ĐƠN VỊ	Chỉ tiêu huy động	Phân phối sử dụng ngày công			
		Trích quản lý phí 5%		Phần đầu tư XD công trình	
		Tổng số	Riêng 0,3% của TP	Thành phố quản lý	Quận Huyện quản lý
<b>Toàn thành phố</b>	<b>3.480.000</b>	<b>174.000</b>	<b>10.440</b>	<b>874.945</b>	<b>2.431.055</b>
<i>Nội thành</i>	<i>2.660.000</i>	<i>133.000</i>	<i>9.780</i>	<i>758.100</i>	<i>1.768.900</i>
1. Quận 1	215.000	10.750	645	61.275	142.975
2. Quận 3	190.000	9.500	570	54.150	126.350
3. Quận 4	160.000	8.000	480	45.600	106.400
4. Quận 5	240.000	12.000	720	68.400	159.600
5. Quận 6	185.000	9.250	555	52.725	123.025
6. Quận 8	190.000	9.500	570	54.150	126.350
7. Quận 10	300.000	15.000	900	85.500	199.500
8. Quận 11	260.000	13.000	780	74.100	172.900
9. Q. Gò Vấp	150.000	7.500	450	42.750	99.750
10. Q. Tân Bình	350.000	17.500	1.050	99.750	232.750
11. Q. Bình Thạnh	240.000	12.000	720	68.400	159.600
12. Q. Phú Nhuận	180.000	9.000	540	51.300	119.700
<i>Ngoại thành</i>	<i>820.000</i>	<i>41.000</i>	<i>2.460</i>	<i>116.845</i>	<i>662.155</i>
13. H. Củ Chi	175.000	8.750	525	24.937	141.313
14. H. Hóc Môn	175.000	8.750	525	24.937	141.313
15. H. Thủ Đức	210.000	10.500	630	29.925	169.575
16. H. Bình Chánh	125.000	6.250	375	17.811	100.939
17. H. Nhà Bè	90.000	4.500	270	12.825	72.675
18. H. Cần Giờ	45.000	2.250	135	6.410	36.340

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG  
QUỸ CÔNG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

	<b>Mức phân bổ tính theo ngày công</b>
1- Hỗ trợ vốn xây dựng công viên hàng lang Điện Biên Phủ thuộc Công ty Công viên cây xanh thành phố.	150.000
2- Để lại toàn bộ 15% do thành phố quản lý cho 5 huyện ngoại thành làm công trình thủy lợi nội đồng và đường giao thông.	116.845
3- Để lại cho các quận nội thành 30% quỹ công thành phố quản lý cho mỗi quận xây dựng công trình phúc lợi tại quận, phường.	227.430
4- Hỗ trợ các chương trình GQVL cho lao động trí thức, sinh viên nghèo, bộ đội xuất ngũ, diện chính sách có công (Ủy nhiệm cho Giám đốc Sở Lao động- Thương binh và Xã hội thực hiện và quyết toán).	200.000
5- Xây dựng hệ thống tin học quản lý lao động và huy động quỹ nghĩa vụ lao động công ích của thành phố.	100.000
6- Dự trữ (dành một phần bổ sung chi phí quản lý và khen thưởng theo qui định thành phố cho phép).	80.670

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**